

**UBND XÃ TUY AN NAM
TRUNG TÂM PVHCC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 10 /TB-TTPVHCC

Tuy An Nam, ngày 30 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

Về Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công chứng, chứng thực và quản tài viên thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp xã và tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Quyết định số 361/QĐ-UBND, ngày 28/01/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng, chứng thực và quản tài viên thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp xã và tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

UBND xã Tuy An Nam thông báo, công khai, niêm yết về Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng, chứng thực và quản tài viên thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp xã và tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (Quyết định số 361/QĐ-UBND, ngày 28/01/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk) đến toàn thể nhân dân trên địa bàn xã biết, triển khai và thực hiện đúng quy định. / *nhauur*

(Đính kèm Quyết định số 361/QĐ-UBND, ngày 28/01/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Nơi nhận:

- CT, các Phó CT UBND xã;
- CVP, PCVP HĐND&UBND xã;
- Phòng VHXX;
- Lưu: VT- TTPVHCC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



nhnhmmc
Nguyễn Thị Nhị Hằng

Số: 361 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được
sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng, chứng thực và quản tài viên
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp xã và tổ chức
hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và
Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục
hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-BTP ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ
Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh
vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-BTP ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ
Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh
vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Quyết định số 162/QĐ-BTP ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ
Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh
vực quản tài viên thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 15/TTr-STP ngày
22/01/2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng, chứng thực và quản tài viên thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp xã và tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Tư pháp căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã niêm yết, công khai thực hiện.

2. Rà soát quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để tham mưu quy trình mới, sửa đổi, bổ sung đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính hoặc các bộ phận tạo thành thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này có hiệu lực từ ngày văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về thủ tục hành chính hoặc bộ phận tạo thành thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành.

Nội dung công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực chứng thực tại số thứ tự 01 mục I phần A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 01992/QĐ-UBND ngày 12/11/2025; lĩnh vực công chứng tại số thứ tự 11, 17 mục I Phụ lục IX ban hành kèm theo Quyết định số 0152/QĐ-UBND ngày 04/7/2025; lĩnh vực quản tài viên tại số thứ tự 01, 02, 03 mục I và số thứ tự 01, 02 mục II Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định số 0152/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /-/-

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tư Pháp (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh (đ/c Khánh);
- Viễn thông Đắk Lắk, Bưu điện tỉnh;
- Các Phòng, TT: NC, CN&CTTĐT;
- Lưu: VT, PVHCC (P-02b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Thị Nguyên Thảo

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
CÔNG CHỨNG, CHỨNG THỰC VÀ QUẢN TÀI VIÊN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TƯ PHÁP, UBND CẤP XÃ VÀ TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc (2.000908)	Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực là ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Thời hạn được tính từ ngày cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ trực tiếp, theo dấu bưu điện đến hoặc theo thời điểm hệ thống dịch vụ công ghi nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; - Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

II. LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Mức phí/ Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng (1.013818)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Phí: 3.500.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 1.750.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC) (Cơ quan thu phí: Cục Bỏ trợ tư pháp - Bộ Tư pháp)	- Thông tư số 06/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng (1.013836)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	- Đối với trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng do Văn phòng công chứng thay đổi tên, địa chỉ trụ	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2025/TT-BTP ngày 15/5/2025 của Bộ Tư pháp;

				sở, Văn phòng công chứng thì được Sở Tư pháp cấp lại giấy đăng ký hoạt động, mức phí: 500.000đ; - Đối với trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động khác thì Sở Tư pháp ghi nhận nội dung thay đổi vào giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng, mức phí: 0đ.	- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
--	--	--	--	---	--

III. LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Mức phí/ Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên (2.001130)	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Sở Tư pháp: 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Chủ tịch UBND tỉnh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Sở Tư pháp trình hồ sơ đề nghị).	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Phí: 800.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 400.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC) Lệ phí: 100.000 đồng/hồ sơ	- Luật Phá sản ngày 19/6/2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán (1.002681)	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Sở Tư pháp: 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Chủ tịch UBND tỉnh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Sở Tư pháp trình hồ sơ đề nghị).	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Phí: 800.000 đồng/ hồ sơ (áp dụng mức phí 400.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC). Lệ phí: 100.000 đồng/ Hồ sơ	- Luật Phá sản ngày 19/6/2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên (2.001117)	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Phí: 800.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 400.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC). Lệ phí: 100.000 đồng/ Hồ sơ	- Luật Phá sản ngày 19/6/2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

					- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
4	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân (1.002626)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Phí: 500.000 đồng/hồ sơ (áp dụng mức phí 250.000 đồng/hồ sơ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC).	- Luật Phá sản ngày 19/6/2014; - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
5	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (1.001842)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung